

Số: 2177 /TB-HĐTD

Hòa Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra sát hạch (vòng 2) tại Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-SGD&ĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc kiện toàn Hội đồng tuyển dụng viên chức (giáo viên) làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố năm 2024; Căn cứ Biên bản phiên họp ngày 16/6/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình thông báo kết quả kiểm tra sát hạch (vòng 2) ngày 16/6/2025 đến toàn thể thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng được biết (Kết quả chi tiết kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Website Sở GD&ĐT;
- Các thành viên HĐTD;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, TCCB (05b).



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH
Nguyễn Ngọc Điệp

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024



KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024

Phòng số:

1

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	Điểm vấn đáp	Ghi chú
1	0001	Tạ Đình Anh	19/03/1994	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTSB	30,00	
2	0002	Lê Thị Hiền	04/06/1994	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTSB		Bỏ thi
3	0003	Lò Thị Lan	14/11/1997	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTSB		Bỏ thi
4	0004	Bùi Thị Mai	16/11/1988	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPTLAS	55,00	
5	0005	Bùi Thế Anh	25/02/2001	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTCH		Bỏ thi
6	0006	Bùi Thị Ngọc Ánh	06/01/1989	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTCH		Bỏ thi
7	0007	Bùi Thị Ngọc	07/12/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTCH	70,00	
8	0008	Luông Hoài Thương	26/03/2002	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTCH	15,00	
9	0009	Bùi Thị Yến	12/02/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPTCH		Bỏ thi
10	0010	Nguyễn Thị Hồng Huệ	20/10/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTĐĐ	48,00	
11	0011	Bùi Thị Lích	05/04/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTĐĐ		Bỏ thi
12	0012	Bùi Thị Liễu	20/03/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTĐĐ	49,00	
13	0013	Nguyễn Văn Dũng	20/07/1985	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐỊA-THPTQT		Bỏ thi
14	0014	Bùi Thị Đào	16/08/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPTQT		Bỏ thi
15	0015	Nguyễn Thị Phương	20/10/1988	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐỊA-THPTQT	58,00	
16	0016	Bùi Thị Phương Thảo	01/01/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTQT		Bỏ thi
17	0017	Trương Thị Hằng	20/01/1995	Nữ	Hoa	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTCLC	66,00	
18	0018	Vì Thị Khuyên	18/08/1995	Nữ	Nùng	2	Th.S	Lý luận và pp		GV ĐỊA-THPTCLC	34,00	
19	0019	Nguyễn Thị Minh Thúy	07/02/1992	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPTCLC	52,00	
20	0020	Tăng Thị Hương Lan	04/04/1992	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTLATC	38,00	
21	0021	Vũ Thị Ngân	17/08/1997	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPTLATC	35,00	

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	Điểm vấn đáp	Ghi chú
22	0022	Nguyễn Thị Hương Giang	21/11/1997	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPT19-5	59,00	
23	0023	Đỗ Thị Bạch Phương	19/05/1989	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT19-5	10,00	
24	0024	Bùi Thị Hương Trà	10/10/2002	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPT19-5	73,00	
25	0025	Bùi Thị Minh Khuê	16/11/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-TTGD TX LUS	10,00	
26	0026	Vũ Thị Nga	26/12/1993	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-TTGD TX LUS	52,00	
27	0027	Đinh Thị Ngoan	04/08/1987	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-TTGD TX LUS	48,00	
28	0028	Bùi Thị Hà	23/10/1988	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-TTGD TX T	49,00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Vịnh

Hòa Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Ngọc Diệp

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024



KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024

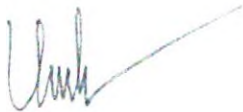
Phòng số: 2

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	Điểm vấn đáp	Ghi chú
1	0029	Hoàng Thị Tâm	02/02/1994	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-TTGD TXTP	69,50	
2	0030	Hoàng Thị Hải Yến	08/03/1996	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-TTGD TXTP	79,00	
3	0031	Bùi Ngọc Hân	09/10/2002	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-TTGD KB	36,50	
4	0032	Nguyễn Thị Hiền	03/10/1994	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Địa Lý	Khá	GV DIA-TTGD KB	87,50	
5	0033	Bùi Văn Quảng	10/10/1987	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-TTGD KB	58,50	
6	0034	Nguyễn Thị Nhị Duyên	27/04/1984	Nữ	Kinh	4	ĐH	Tiếng anh sư phạm	Khá	GV ANH-THPT LUS		Bỏ thi
7	0035	Nguyễn Thị Thu Hà	28/06/1980	Nữ	Kinh	4	ĐH	Tiếng anh sư phạm	TBK	GV ANH-THPT LUS	50,50	
8	0036	Nguyễn Thị Mão	15/06/1987	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán	Khá	GV TOAN-THPT MC B		Bỏ thi
9	0037	Hà Thị Diệu Thùy	01/06/2001	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-THPT MC B		Bỏ thi
10	0038	Đặng Thảo Nguyên	25/08/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	GV ANH-THPT QT	64,50	
11	0039	Nguyễn Diệu Thủy	27/10/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	GV ANH-THPT PC	67,50	
12	0040	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/11/1995	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT 19-5	54,00	
13	0041	Bùi Phương Chi	27/01/2002	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	GV ANH-CONGN	65,00	
14	0042	Bùi Thị Thu Hằng	06/10/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV GDCD-NTCP	35,50	
15	0043	Đỗ Thị Thu Thủy	25/12/1988	Nữ	Kinh	4	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV GDCD-NTCP	40,00	
16	0044	Nguyễn Thị Thu Trang	18/08/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV GDCD-NTCP	34,00	
17	0045	Hoàng Thủy Anh	25/01/1988	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Giáo dục c	TBK	GV GDCD-THPT CH	45,00	
18	0046	Bùi Văn Hùng	05/09/1991	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	Khá	GV GDCD-THPT CH	96,50	
19	0047	Nguyễn Mỹ Tâm	13/12/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Giáo dục công dân	Khá	GV GDCD-THPT ĐĐ		Bỏ thi
20	0048	Quách Thành Vũ	03/09/1992	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục chính trị	TB	GV GDCD-THPT MCH	47,00	
21	0049	Nông Thị Nụ	08/06/1994	Nữ	Tày	2	ĐH	Giáo dục chính trị	TB	GV GDCD-DTNT LT	51,50	

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	Điểm vấn đáp	Ghi chú
22	0050	Nguyễn Khánh Linh	23/03/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Giáo dục công dân	Giỏi	GV GDCCD-THPT NQ	83,00	
23	0051	Nguyễn Trang Nhung	26/11/1999	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục công dân	Khá	GV GDCCD-THPT NQ	15,00	
24	0052	Bùi Tuấn Đạt	19/10/2002	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTĐĐ	39,00	
25	0053	Bùi Trung Lập	18/03/1990	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTĐĐ	63,50	
26	0054	Nguyễn Thị Mai	22/01/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Thể dục th	Khá	GV GDTC-THPTĐĐ	52,00	
27	0055	Bùi Văn Sỏi	22/01/1991	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	TBK	GV GDTC-THPTĐĐ	40,00	
28	0056	Bùi Văn Thịnh	19/10/1990	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	TBK	GV GDTC-THPTĐĐ		Bỏ thi
29	0057	Bùi Văn Tình	22/12/1994	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTĐĐ		Bỏ thi

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



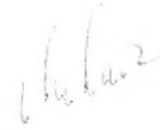
Bùi Văn Vịnh

Hòa Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Ngọc Diệp



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024



KẾT QUẢ PHỎNG VẤN (VÒNG 2)
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024

Phòng số: 3

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	Điểm vấn đáp	Ghi chú
1	0058	Nguyễn Văn Bằng	29/06/1991	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	TBK	GV GDTC-THPTCLC		Bỏ thi
2	0059	Quách Ngọc Linh	06/12/1991	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm TDTT	Khá	GV GDTC-THPTCLC	78,50	
3	0060	Quách Đức Toàn	28/09/1994	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTCLC	16,50	
4	0061	Bùi Văn Tường	10/08/1988	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm TDTT	Khá	GV GDTC-THPTCLC	28,50	
5	0062	Bùi Thanh Bình	07/12/1992	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	TB	GV GDTC-THPTPC		Bỏ thi
6	0063	Hoàng Mạnh Cường	13/11/1998	Nam	Kinh	4	ĐH	Giáo dục thể chất	Giỏi	GV GDTC-THPTPC	34,00	
7	0064	Trần Văn Dũng	27/12/1994	Nam	Kinh	4	ĐH	Giáo dục thể chất	Giỏi	GV GDTC-THPTPC		Bỏ thi
8	0065	Hà Văn Nhất	15/08/1988	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	TBK	GV GDTC-THPTPC		Bỏ thi
9	0066	Bùi Văn Nhung	12/12/1990	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTPC	37,50	
10	0067	Bùi Văn Thế	05/07/1990	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPTPC		Bỏ thi
11	0068	Nguyễn Thị Ánh	03/01/1995	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPTCH		Bỏ thi
12	0069	Bùi Thị Huyền	16/01/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPTQT		Bỏ thi
13	0070	Hà Ngọc Thanh	24/05/1991	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-THPTQT		Bỏ thi
14	0071	Kiều Thị Hòa	04/05/1995	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-TTGDĐB		Bỏ thi
15	0072	Khuông Văn Nam	05/10/1989	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-TTGDĐB	63,00	
16	0073	Tạ Thùy Dương	03/02/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-TTGDKB	26,00	
17	0074	Đào Thị Hằng	08/11/1995	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-TTGDKB		Bỏ thi
18	0075	Nguyễn Thị Huyền	20/11/1997	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-TTGDKB	51,00	
19	0076	Hà Thị So	29/08/1996	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-NTAMC	30,50	
20	0077	Bùi Thu Hương	17/09/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-THPTSB		Bỏ thi
21	0078	Bùi Mai Phương	10/03/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTSB	25,00	

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	Điểm vấn đáp	Ghi chú
22	0079	Quách Hoàng Đăng	06/03/1993	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTLAS	34,50	
23	0080	Bùi Thị Tuất	24/12/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTLAS	39,50	
24	0081	Nguyễn Thị Dung	05/07/1999	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTĐĐ		Bỏ thi
25	0082	Hà Thị Thúy Hoàn	10/03/1985	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	TBK	GV LICH SU-THPTĐĐ	24,50	
26	0083	Bùi Thị Hương	09/04/1986	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTĐĐ		Bỏ thi
27	0084	Bùi Thị Thúy Ngân	17/02/1986	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	TBK	GV LICH SU-THPTMB	30,00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tin chi), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Vịnh

Hòa Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Ngọc Diệp



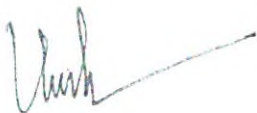


TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐPV	Ghi chú
1	0085	Vũ Thị Nhân	12/03/1985	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-THPTMCH	60,00	
2	0086	Bùi Văn Thới	20/08/1993	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTMCH	36,00	
3	0087	Lò Minh Tùng	23/05/1992	Nam	Tày	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTMCH	39,00	
4	0088	Quách Phú Thành	21/08/2001	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Lịch Sử	Khá	GV LICH SU-THPTKB	40,50	
5	0089	Lường Văn Băng	24/04/1987	Nam	Tày	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTYH	50,00	
6	0090	Lê Phương Nga	27/03/1996	Nữ	Dao	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-THPTYH		Bỏ thi
7	0091	Nguyễn Phương Thảo	16/03/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTYH	71,00	
8	0092	Đào Duy Tiến	27/08/1991	Nam	Kinh	3	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPTYH		Bỏ thi
9	0093	Bùi Văn Chiền	28/12/1988	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-CONGN		Bỏ thi
10	0094	Phạm Minh Tâm	30/10/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-CONGN	24,00	
11	0095	Vũ Thị Tuyền	28/11/1994	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-LLQ	61,50	
12	0096	Dương Thị Tuyết	18/07/1996	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-LLQ	68,00	
13	0097	Nguyễn Thu Huyền	13/02/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-THPT NQ	59,00	
14	0098	Nguyễn Thị Kim Thanh	07/10/1987	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LICH SU-TTGDKB	73,00	
15	0099	Bùi Thị Diệu	02/11/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTCP	25,50	
16	0100	Bùi Thị Vân Khánh	02/04/2002	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTCP	59,50	
17	0101	Đinh Thị Thanh	26/09/1997	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Vật Lý	Khá	GV LY-NTCP	40,00	
18	0102	Nguyễn Thị Thu Hà	31/05/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Vật Lý	Giỏi	GV LY-TTGD TXCP	54,00	
19	0103	Tô Thị Hương	26/02/1989	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-THPTMCH	43,50	
20	0104	Hà Thị Khoa	15/02/1992	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-THPTMCH	66,50	
21	0105	Nguyễn Khắc Tuấn	12/01/1981	Nam	Kinh	4	ĐH	Công nghệ thông tin	TBK	GV TIN-THPTĐK	54,50	

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐPV	Ghi chú
22	0106	Nguyễn Tú Anh	03/03/2001	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GVTOAN-NTCP	41,00	
23	0107	Bùi Thị Kim	04/06/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GVTOAN-NTCP	44,00	
24	0108	Hà Thùy Trang	31/08/2002	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	XS	GV VAN-THPTSB	85,00	
25	0109	Bùi Thị Hương	14/09/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTLAS	66,50	
26	0110	Ngô Phương Thảo	03/04/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTLAS		Bỏ thi

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



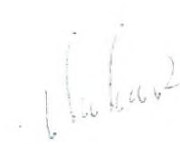
Bùi Văn Vịnh

Hòa Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Ngọc Diệp





TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐPV	Ghi chú
1	0111	Bùi Thị Nghệ	08/02/1995	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPTMC	64,00	
2	0112	Đào Thị Phương	25/03/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTMC	52,00	
3	0113	Phan Nguyễn Quỳnh Thu	12/07/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTMC	13,00	
4	0114	Hà Thu Hòa	20/06/2002	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTMC B	50,50	
5	0115	Lường Văn Thuận	14/01/1995	Nam	Tày	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPTMC B	14,00	
6	0116	Bùi Thị Phương Thảo	05/06/1996	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTQT		Bỏ thi
7	0117	Hà Thị Thảo	19/09/1997	Nữ	Kinh	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTQT	28,50	
8	0118	Trịnh Thúy Hà	13/09/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPTYTC	49,30	
9	0119	Nguyễn Hải Anh	06/12/2000	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTCLC	28,50	
10	0120	Lê Thị Huệ	12/08/1991	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTCLC	32,00	
11	0121	Phùng Phương Uyên	25/07/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPTCLC	57,50	
12	0122	Nguyễn Khánh Vân	27/04/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPTCLC	12,00	
13	0123	Nguyễn Thị Thanh Hải	28/08/1989	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT19-5	46,00	
14	0124	Trần Phương Thảo	30/01/2000	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	Giỏi	GV VAN-THPT19-5		Bỏ thi
15	0125	Bùi Xuân Tùng	19/06/2002	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	XS	GV VAN-THPT19-5	37,00	
16	0126	Phạm Phương Anh	09/11/2002	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-TTGD TX TL	28,00	
17	0127	Lương Thị Hào	29/07/1987	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-TTGD TX LUS	84,00	
18	0128	Đỗ Thị Liên	13/03/1999	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-TTGD TX LUS	35,50	
19	0129	Nông Thị Hương Liễu	18/12/1996	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-TTGD TX LUS	20,00	
20	0130	Hà Thị Nụ	23/02/1995	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-TTGD TX LUS	21,50	
21	0131	Hà Thị Thu Trang	10/02/2000	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-TTGD TX LUS	30,50	

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐPV	Ghi chú
22	0132	Đào Quang Hưng	16/10/1994	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-TTGD TXLaS		Bỏ thi
23	0133	Bùi Thị Linh Hương	28/11/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-TTGD KB	60,50	
24	0134	Nguyễn Thị Nhật	05/10/1992	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-TTGD KB	28,00	
25	0135	Nguyễn Thị Tố Quyên	24/09/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-TTGD KB	29,00	
26	0136	Phạm Linh Chi	18/03/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBMC	52,50	
27	0137	Giàng Thị Mai	27/05/2002	Nữ	H'Mông	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBMC	68,00	
28	0138	Nguyễn Thị Thắm	24/03/1992	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBMC		Bỏ thi

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Vịnh

Hòa Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Ngọc Diệp



KẾT QUẢ PHÒNG VẤN (VÒNG 2)
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2024

Phòng số: 6

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	Điểm vấn đáp	Ghi chú
1	0139	Bùi Văn Dũng	07/01/1988	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GVTOAN-THPTSB	83,00	
2	0140	Nguyễn Thị Lan	19/11/1988	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTSB		Bỏ thi
3	0141	Nguyễn Thị Nhó	10/06/1990	Nữ	Kinh	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTBS	78,00	
4	0142	Đỗ Việt Tiến	23/11/1999	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTBS	56,00	
5	0143	Vũ Thị Đào	16/06/1993	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GVTOAN-THPTLAS	83,00	
6	0144	Nguyễn Thị Thơ	17/05/1987	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTMB		Bỏ thi
7	0145	Phùng A Cha	11/01/1992	Nam	H'Mông	2	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GVTOAN-THPTMC	55,00	
8	0146	Nguyễn Như Quỳnh	27/02/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPTKB	49,00	
9	0147	Quách Thị Yến	08/06/1989	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GVTOAN-THPTKB	71,00	
10	0148	Bùi Thị Cải	11/03/1989	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GVTOAN-THPTQT	55,00	
11	0149	Khuất Văn Quang	17/08/1988	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GVTOAN-THPTQT		Bỏ thi
12	0150	Phạm Thị Hồng Thu	14/02/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GVTOAN-THPTQT	34,00	
13	0151	Dư Thị Bình	06/10/1989	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPT19-5		Bỏ thi
14	0152	Nguyễn Xuân Công	22/03/1988	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-THPT19-5	92,00	
15	0153	Nguyễn Thị Bích Phương	19/10/1994	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GVTOAN-TTGD TX TL		Bỏ thi
16	0154	Nghiêm Thị Thùy Dung	29/07/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-TTGD TX LUS		Bỏ thi
17	0155	Nguyễn Minh Khuê	19/06/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GVTOAN-TTGD TX LUS		Bỏ thi
18	0156	Nguyễn Trâm Anh	09/09/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GVTOAN-CONGN	66,00	
19	0157	Phùng Tiến Mạnh	12/09/2000	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-CONGN	97,00	
20	0158	Nguyễn Thị Dung	02/06/2001	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-YTB	94,00	
21	0159	Đinh Thu Hà	05/11/2002	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GVTOAN-YTB		Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	Điểm vấn đáp	Ghi chú
22	0160	Hoàng Huyền Trang	26/09/1994	Nữ	Kinh	4	Th.S	Toán học		GVTOAN-YTB		Bỏ thi
23	0161	Bùi Văn Vượng	20/08/1989	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GVTOAN-YTB	42,00	
24	0162	Lê Thị Thúy Hằng	20/09/1999	Nữ	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GVTOAN-TTGD TXTP	63,00	
25	0163	Trần Tùng Thiện	20/01/2000	Nam	Kinh	4	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GVTOAN-TTGD TXTP	68,00	
26	0164	Bùi Nhật Lệ	08/10/2002	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Công nghệ	Khá	GV CONGNGHE-YTB	69,00	
27	0165	Lường Thị Hà Giang	12/01/2002	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GVVAN THCS-NTBĐB	88,00	
28	0166	Lý Thị Nga	09/12/1995	Nữ	Dao	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GVVAN THCS-NTBĐB	45,00	
29	0167	Đinh Thị Huyền Trang	18/07/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GVVAN THCS-NTBĐB	92,00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Bùi Văn Vịnh

Hòa Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Ngọc Diệp

